

Bản án số: 1053/2024/DS-ST
Ngày: 20/11/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lê

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2024/DSST ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 622/2024/QĐXX- DS ngày 09 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 622/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở chính: Số Y, Phường N, Quận M, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng S

Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công Ty S)

Đại diện theo pháp luật công ty : Ông Lê Ngọc T- Tổng Giám đốc

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Đức Th, sinh năm 1984

Địa chỉ : Số X N, phường V, Quận M, Thành phố H (Có đơn vắng mặt)

Bị đơn : Ông Huỳnh Vũ B, sinh năm 1985.

Địa chỉ : Số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2024; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án đại diện nguyên đơn Ông Trần Đức Th trình bày:

Ngày 16/02/2017, Ông Huỳnh Vũ B (gọi là bị đơn) có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng, nguyên đơn) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075 0287 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 12/07/2018, Ông B có đăng ký thêm thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 - XXXX với hạn mức sử dụng chung là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 294,404,894 đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 472075 - XXXX là 221.412.871 đồng, thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480-XXXX là 72.992.023 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 299,680,957 đồng. (trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 472075 - XXXX là 243.387.255 đồng, thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 - XXXX là 56.293.702 đồng).

-Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông B (trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 472075-0287 là ngày 01/08/2021, thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 -9014 là ngày 23/08/2021) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

-Tính đến ngày 15/01/2024, Ông B còn nợ tổng số tiền 111.813.330 đồng cụ thể như sau:

- Loại thẻ: VS payWave Cre Gold
- Số thẻ : 472075-XXXX
- Nợ gốc: 14.475.212
- Lãi quá hạn: 16,898,564
- Dư nợ : 31.373.776
- Lãi suất : 3.9%
- Loại thẻ: JCB JSpeedy Cre Classic
- Số thẻ : 356480-XXXX
- Nợ gốc: 35.780.290
- Lãi quá hạn: 44.659.264
- Dư nợ : 80.439.554
- Tổng :
- Nợ gốc: 50.255.502
- Lãi quá hạn: 61.557.828
- Dư nợ : 111.813.330

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Ông B có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc Ông Huỳnh Vũ B phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2024 là 111.813.330 đồng (*Một trăm mười một triệu, tám trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi đồng*) trong đó: Nợ gốc : 50.255.502 đồng; Lãi quá hạn : 61.557.828 đồng

2. Ông Huỳnh Vũ B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngày 12/6/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S có bản tự khai yêu cầu :

1. Buộc Ông Huỳnh Vũ B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/6/2024 là 111.813.330 đồng (*Một trăm mười một triệu, tám trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi đồng*) trong đó: Nợ gốc : 50.255,502 đồng; Lãi quá hạn: 71.292.296 đồng

2. Ông Huỳnh Vũ B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngày 20/11/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S có bản tự khai yêu cầu :

1. Buộc Ông Huỳnh Vũ B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 132.066.250 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu khÔng trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*) trong đó:

Nợ gốc: 50,255,502 đồng

Lãi quá hạn: 81.810.748 đồng

2. Ông Huỳnh Vũ B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập Ông Huỳnh Vũ B đến Tòa án để lấy lời khai nhưng Ông B không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của Ông Huỳnh Vũ B theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 783/2024/QĐ-CCTLCC ngày 24/5/2024, tại địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H, được biết: “ Ông Huỳnh Vũ B có đăng ký thường trú tại địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H. Hiện bán nhà đi đâu không rõ từ năm 2021”.

Ngày 03/6/2024, Tòa án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 783/2024/QĐ-CCTLCC ngày 24/5/2024, và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của Ông Huỳnh Vũ B theo quyết định cung cấp chứng cứ số 837/2024/QĐ-CCTLCC ngày 03/6/2024. Ngày 10/6/2024, đại diện Ngân hàng S trả lời bằng công văn số 79/CV về việc phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 837/2024/QĐ-CCTLCC ngày 03/6/2024 cho biết Ngân hàng đã cung cấp địa chỉ theo đơn khởi kiện là địa chỉ Z N, Phường P, quận G. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết theo địa chỉ thường trú của Ông B tại số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H để đưa vụ án ra xét xử .

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông B không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải

được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho Ông B hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng S do Ông Trần Đức Th là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử tuy nhiên Ông vẫn giữ yêu cầu :

1. Buộc Ông Huỳnh Vũ B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 132.066.250 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*)) trong đó: Nợ gốc: 50.255.502 đồng; Lãi quá hạn : 81.810.748 đồng

2. Ông Huỳnh Vũ B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Huỳnh Vũ B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Dương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

1.1 *Việc xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn :*

Nguyên đơn khởi kiện Ông Huỳnh Vũ B tại nơi thường trú của Ông B tại địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H. Qua xác minh của Công an Phường P, quận G được biết: “ Ông Huỳnh Vũ B có đăng ký thường trú tại địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H. Hiện bán nhà đi đâu không rõ từ năm 2021”.

Ngày 03/6/2024, Tòa án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 783/2024/QĐ-CCTLCC ngày 24/5/2024, và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của Ông Huỳnh Vũ B theo quyết định cung cấp chứng cứ số 837/2024/QĐ-CCTLCC ngày 03/6/2024. Ngày 10/6/2024, đại diện Ngân hàng S trả lời bằng công văn số 79/CV

về việc phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 837/2024/QĐ-CCTLCC ngày 03/6/2024 cho biết Ngân hàng đã cung cấp địa chỉ theo đơn khởi kiện là địa chỉ Z N, Phường P, quận G. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết theo địa chỉ thường trú của Ông B tại số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H để đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Nguyên đơn khởi kiện đúng địa chỉ Ông B thường trú và việc Ông B bán nhà, chuyển đi nơi khác không báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của Ông B là địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H là đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

1.2 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn Ngân hàng hàng S khởi kiện bị đơn Ông Huỳnh Vũ B về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/02/2017 và ngày 12/7/2018 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn Ông Huỳnh Vũ B có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số Z N, Phường P, quận G, Thành phố H, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố H được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Ông Huỳnh Vũ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 16/02/2017 đã ký giữa Ngân hàng hàng S với Ông Huỳnh Vũ B sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập thực tại, tình hình tài chính và đề nghị của Ông Huỳnh Vũ B, VS payWave Cre Gold 472075 - XXXX với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 12/07/2018, Ông B có đăng ký thêm thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 - XXXX với hạn mức sử dụng chung là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 294.404.894 đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 472075 - XXXX là 221,412,871 đồng, thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480-XXXX là 72.992.023 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 299,680,957 đồng. (trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 472075 - XXXX là 243,387,255 đồng, thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 - XXXX là 56.293.702 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/02/2017 và hợp đồng ngày 12/7/2018 đã ký giữa Ngân hàng hàng S với Ông Huỳnh Vũ B; bản tự khai ngày 12/6/2024 và ngày 20/11/2024 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 12/6/2024; ngày 20/11/2024, Ông B còn lại nợ gốc tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 50.255.502 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở Ông B vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Ông B đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc Ông B phải trả số tiền nợ gốc là 50.255.502 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/02/2017; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng S và các văn bản khác Ông Huỳnh Vũ B đã ký với Ngân hàng S về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075 0287 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 12/07/2018 Ông B có đăng ký thêm thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 356480 - XXXX với hạn mức sử dụng chung là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/02/2017 và hợp đồng ngày 12/7/2018; Căn cứ Điều 25 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S đã được ký giữa Ngân hàng và Ông B.

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 12/6/2024; ngày 20/11/2024, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 81.810.748 đồng. Ông Huỳnh Vũ B phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2024 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mức lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 20/11/2024, Ông B còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền lãi quá hạn là 81.810.748 đồng do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Ông B và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S do đó Hội đồng xét xử buộc Ông B phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 81.810.748 đồng, tạm tính đến ngày 20/11/2024.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc Ông Huỳnh Vũ B phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền lãi và gốc tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 132.066.250 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*)) trong đó: Nợ gốc là 50.255.502 đồng; Lãi quá hạn là 81.810.748 đồng

Ông B tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 21/11/2024 cho đến khi Ông B trả dứt nợ vay cho Ngân hàng S theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng gồm (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S).

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S số tiền 2.795.333 đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013645 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 132.066.250 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*). Do đó Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.603.312 đồng (*Sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn ba trăm mười hai đồng*).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều X Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Buộc Ông Huỳnh Vũ B có trách nhiệm phải trả ngay một lần cho Ngân hàng S tổng số tiền là 132.066.250 (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*)) trong đó: Nợ gốc: 50.255.502 đồng; Lãi quá hạn: 81.810.748 đồng.

- Ông Huỳnh Vũ B còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 21/11/2024 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất thỏa thuận hợp đồng được ký ngày 16/02/2017 và ngày 12/7/2018 giữa Ngân hàng hàng S với Ông Huỳnh Vũ B sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Vũ B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.603.312 đồng (*Sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn ba trăm mười hai đồng*).

-Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng S là 2.795.333 đồng(*Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013645 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)